

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

45 NĂM CÔNG ĐỒNG VATICAN II: NHÌN LẠI

NGUYỄN VĂN DŨNG^(*)

45 năm trước đây, ngày 8 tháng 12 năm 1965 Công đồng Vatican II (Concilio Vaticano II) đã bế mạc sau 4 kì họp rải đều qua bốn mùa thu. Công đồng khai mạc ngày 11 tháng 10 năm 1962 sau 45 tháng rong rã chuẩn bị theo quyết định ngày 25 tháng 1 năm 1959 của Giáo hoàng Gioan XXIII (Pope John XXIII – tên thế tục là Angelo Giuseppe Roncalli). Đây là hội nghị cấp cao của các Giám mục thuộc Giáo hội Công giáo Roma họp tại Vatican lần thứ hai. Hội nghị lần thứ nhất (Công đồng Vatican I) họp từ ngày 8 tháng 12 năm 1869 đến ngày 18 tháng 7 năm 1870 do Giáo hoàng Pius IX (Pope Pie IX - tên thế tục là Giovanni Maria Mastai Ferretti) triệu tập. Công đồng Vatican I thông qua tông hiến Pater Aeternus về tín điều “Giáo hoàng không bao giờ sai lầm” (tín điều về tính chất đáng tin của Giáo hoàng)⁽¹⁾. Công đồng Vatican II được triệu tập vào giai đoạn khủng hoảng sâu sắc nhất của Giáo hội Công giáo Roma, đề ra nhiệm vụ tìm lối thoát khỏi khủng hoảng, giúp Giáo hội thích ứng với các điều kiện đang biến đổi bằng cách đổi mới các giáo thuyết tôn giáo, chủ yếu là các giáo thuyết về xã hội. Do thời gian họp kéo dài (4 năm), nên Công đồng Vatican II đã trải qua hai triều đại Giáo hoàng. Giáo hoàng Gioan

XXIII khi quyết định triệu tập Công đồng đã vào tuổi 78 nên Ngài không thể theo hết chặng đường của Công đồng Vatican II. Người kết tục Ngài điều khiển các phiên họp còn lại của Công đồng là Giáo hoàng Pôn VI (Paul VI - tên thế tục là Giovanni Battista Montini). Vào thời điểm Công đồng Vatican II diễn ra Giáo hội Công giáo mới có khoảng 500 triệu tín đồ. Đến nay con số đó đã tăng gấp 3 lần, khoảng 1 tỉ rưỡi người⁽²⁾. Có 2904 Giám mục và khách mời được triệu tập tham dự Công đồng Vatican II, tuy nhiên trong kì họp chỉ có 2.449 người có mặt (đạt 84,34%), tại kì họp thứ hai còn lại 2.188 người, tại kì họp thứ ba, do được bổ sung thêm người mới, nên con số người tham dự đã lên tới 2.466 người và đến kì họp cuối đã có tới 2.625 người tham dự. Tác giả Mai Thanh Hải đã có những thống kê chi tiết về nguồn gốc địa lí những người tham dự, số lần phát biểu của các giáo sĩ các nước, số người tham dự đã qua đời trong thời gian diễn ra các

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Xem: Mai Thanh Hải. *Từ điển tín ngưỡng tôn giáo thế giới và Việt Nam*. Nxb. Văn hoá - Thông tin, 2006, tr. 159; *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 1, Hà Nội, 1995, tr. 582.

2. Theo: Anatoli Krasikov. *Công đồng Vatican II: Hôm qua, hôm nay và ngày mai*.

[Http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100_sobor.html](http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100_sobor.html)

kì họp của Công đồng, trong đó có Giáo hoàng Gioan XXIII từ trần vào ngày 3 tháng 6 năm 1963, trước khi Công đồng kết thúc 2 năm rưỡi⁽³⁾.

Công đồng Vatican II kết thúc với việc thông qua 16 văn kiện, bao gồm: 4 hiến chế (Constitutio), 9 sắc chỉ (bullae) và 3 tuyên ngôn (déclaratio)⁽⁴⁾. Tinh thần chung của các văn kiện này là từ bỏ những lời kết án và thái độ khinh thị những người không theo Công giáo, tháo gỡ bớt những lề lối và ràng buộc cổ hủ, đưa ra nhiều hướng cởi mở, mềm mại, nhẹ nhàng, dễ được lòng người hơn. Theo nhận xét của nhà nghiên cứu Công giáo Mai Thanh Hải, Công đồng Vatican II là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Giáo hội Công giáo; Nhiều vấn đề đặt lại khác trước, thí dụ, tiếng Latinh không còn là ngôn ngữ duy nhất trong thờ cúng nữa⁽⁵⁾.

45 năm đã trôi qua, giờ đây chúng ta có tương đối đủ thời gian để nhìn lại, đánh giá những việc mà Giáo hội Công giáo Roma đã làm được, phân tích nguyên nhân “những việc còn dang dở” để từ đó dự báo những bước đi tiếp theo nhằm thực hiện những giáo điều mà Công đồng Vatican II đã vạch ra. Trong bài viết của mình nhân kỉ niệm 40 năm Công đồng Vatican II, nhà nghiên cứu Mai Thanh Hải đã nêu và phân tích khá cụ thể “mười việc còn dang dở” của Công đồng Vatican II⁽⁶⁾.

Một điều rất dễ nhận thấy rằng, trong suốt chừng ấy năm tại Công đồng Vatican II đã diễn ra một cuộc tranh luận gay gắt về vai trò và vị trí của Giáo hội Công giáo Roma trong thế giới ngày nay. Tất cả những người tham gia tranh

luận đều xuất phát từ một nguyên lí trong Kinh Thánh: “Đức Kitô hôm nay, luôn luôn và vĩnh viễn chỉ là một”, nhưng khi diễn giải sứ mệnh của các cấu trúc tôn giáo, trước hết của chính bản thân mình thì mỗi người lại có cách lí giải riêng, không giống nhau. Đức Giáo hoàng Gioan XXIII kêu gọi “Aggiornamento” - nghĩa là Ngài kêu gọi đổi mới Giáo hội Công giáo Roma cần chú ý đến những thay đổi diễn ra trên thế giới trong suốt những thế kỉ qua. Ngài giải thích: “Điều này không có nghĩa là thay đổi Phúc Âm. Điều này có nghĩa là chúng ta bắt đầu hiểu Phúc Âm tốt hơn. Cũng như điều đó đối với tôi, tất cả những ai đã có dịp tìm hiểu các nền văn hoá khác nhau và các truyền thống khác nhau đều nhận thức được rằng, đã đến lúc hiểu những đặc trưng của thời đại và bắt đầu nhìn nhận xa hơn ngày hôm nay”⁽⁷⁾. Giáo hoàng Gioan XXIII (Roncalli) là người đầu tiên trong lịch sử tuyên bố cần phải có sự đối thoại giữa các tín đồ Công giáo với tất cả thế giới bên ngoài, bắt đầu từ việc đối thoại với những người Kitô giáo khác (Anh giáo,

3. Xem Mai Thanh Hải. 40 năm Công đồng Vatican II: Mười việc còn dang dở. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4-2005, tr. 65.

4. Nội dung cơ bản của 16 văn kiện này xin xem thêm trong: Mai Thanh Hải. 40 năm Công đồng Vatican II: Mười việc còn dang dở. Tạp chí đã dẫn, tr.66-68.

5. Mai Thanh Hải. Từ điển tín ngưỡng tôn giáo thế giới và Việt nam. Sdd, tr.159-160.

6. Xin tham khảo thêm: Mai Thanh Hải. 40 năm Công đồng Vatican II: Mười việc còn dang dở. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4 - 2005, tr. 69- 70; Số 5 - 2005, tr. 53-65.

7. Trích theo: Anatoli Krasikov. Bđd., http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100_Sobor.html.

Tin Lành giáo, Chính Thống giáo - NVD) và tín đồ các tôn giáo khác và kết thúc bằng việc đối thoại với những người không tôn giáo, thậm chí là với cả những kẻ ức hiếp Giáo hội và Ngài đã tiếp tục kêu gọi cuộc đối thoại như vậy cho đến tận những ngày cuối đời của mình.

Di chúc chính trị của Giáo hoàng Gioan XXIII, thông điệp “Pacem in Terris” đã được công bố vào tháng 4 năm 1963, trước khi Ngài qua đời gần hai tháng. Người đứng đầu Giáo hội Công giáo Roma đã gửi bức thông điệp đó “tới tất cả những người có thiện chí”. Ngài viết rằng, tất cả mọi cuộc tranh cãi xuất hiện trên thế giới đều có thể và cần phải tìm cách giải quyết không phải bằng những cuộc xung đột quân sự, mà bằng những cuộc đàm phán có lí có tình. Vị Giáo hoàng này không chỉ thể hiện qua những lời kêu gọi đàm phán chung chung mà Ngài còn đề ra những vấn đề cụ thể để thảo luận một cách nhanh chóng trên phạm vi quốc tế. Ngài kêu gọi cấm vũ khí nguyên tử, chấm dứt chạy đua vũ trang và cuối cùng là giải trừ quân bị một cách triệt để với một cơ chế kiểm soát phù hợp. Chính trong văn kiện chính thức này Giáo hội Công giáo Roma lần đầu tiên đã đặt vấn đề về sự hợp tác giữa những người Công giáo với những người ngoài Công giáo nhằm cùng nhau hành động vì hạnh phúc của toàn nhân loại.

Lập trường này của Tòa Thánh Vatican đã làm cho các chiến lược gia Phương Tây hết sức lo lắng. Washington đã lập tức cử phái viên của mình là John McCone tới gặp Giáo hoàng nhằm ngăn chặn bất kì một cuộc tiếp xúc nào giữa

Tòa Thánh Vatican với Liên Xô, nước đứng đầu phe xã hội chủ nghĩa lúc đó, thời điểm cuộc chiến tranh lạnh đang diễn ra hết sức quyết liệt. Marco Roncalli, nhà chính luận đồng thời cũng là một nhà khoa học nổi tiếng, cháu họ của Giáo hoàng Gioan XXIII, khi kể về cuộc gặp gỡ giữa Giáo hoàng với John McCone đã dựa vào tài liệu của nhà nghiên cứu người Mỹ Thomas Gordon. Trong cuốn sách dành cho người thân của mình là Giáo hoàng Gioan XXIII, Marco Roncalli đã dẫn câu trả lời của Giáo hoàng cho phái viên của Washington, John McCone: “Cần phải chấm dứt sự nghèo đói, sự phủ nhận quyền con người, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và ách thống trị chính trị”⁽⁸⁾.

Từ đó tới nay, cả những người ủng hộ lẫn những người chống đối đường lối của Giáo hoàng Gioan XXIII đều không ngừng buộc tội Ngài là người thích chủ nghĩa Cộng sản (Philokommunism)⁽⁹⁾. Sự buộc tội này đã được Bộ Phong Thánh bác bỏ khi xem xét hồ sơ được chuẩn bị cho việc phong chân phước cho Giáo hoàng Gioan XXIII vào năm 1998. Lúc đó chứng thư của các nhà hoạt động nổi tiếng của Giáo hội Công giáo ở Đông Âu đã chiếm ưu thế. Cố Hồng y Stefan Vyshinky, lúc đó là Tổng Giám mục Giáo hội Công giáo Ba Lan đã để lại bản kết luận bằng văn bản, trong đó bác bỏ mọi

8. Trích theo: Anatoli Krasikov. Bdd., <http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100sobor.html>

9. Xem thêm: Khánh Vy. *Quan hệ giữa Tòa Thánh Vatican với Nhà nước Liên bang Nga - lịch sử và hiện tại*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Số 12 - 2009, tr. 50.

sự nghi ngờ liên quan đến công lao thực sự của Giáo hoàng Gioan XXIII trong việc bảo vệ tự do tôn giáo. Vị Hồng y này viết: “Trước đó người ta không cho chúng tôi thở. Chúng tôi chỉ bắt đầu thở được dưới thời Roncalli”⁽¹⁰⁾.

Khi Giáo hoàng Gioan XXIII qua đời, người nối ngôi là Giáo hoàng Paul VI, người còn được biết đến với cái tên “Giáo hoàng đỏ”. Ngài tuyên bố sẽ tập trung “mọi nỗ lực để giữ gìn hạnh phúc vĩ đại, đó là hòa bình giữa các dân tộc”. Ngài khẳng định sẵn sàng tiếp tục diễn đàn đã được mở ra trong năm trước đó. Tại kì họp thứ nhất của Công đồng Vatican II, các giáo sĩ tham gia Công đồng mới chỉ trao đổi một cách sơ bộ những tài liệu làm việc do các uỷ ban chuẩn bị trước khi diễn ra Công đồng. Tất cả các văn bản cuối cùng của Công đồng đều có chữ kí của Giáo hoàng Paul VI với tư cách là Giáo chủ Giáo hội Công giáo. Tại kì họp thứ hai của Công đồng Vatican II diễn ra từ ngày 29 tháng 9 đến ngày 4 tháng 12 năm 1963 đã thông qua Sắc chỉ về các phương tiện truyền thông đại chúng với tên gọi *Inter mirifica* (giữa những sự kì diệu). Sắc chỉ nêu ra việc sử dụng ngày một nhiều hơn các phương tiện truyền thông xã hội vào các mục đích phục vụ Giáo hội. Công đồng đòi hỏi các chính quyền dân sự phải “bảo vệ tự do truyền thông một cách thực sự và công bằng bởi vì nó hoàn toàn cần thiết cho sự phát triển của xã hội hiện đại”⁽¹¹⁾. Tại điểm 1 trong một văn kiện khác được thông qua tại kì họp này, Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới hôm nay với tên gọi *Gaudium et Spes* (vui mừng và hi vọng),

đã kêu gọi hãy “củng cố tất cả những gì góp phần kêu gọi mọi người trong lòng Giáo hội”. Hiến chế xác định rằng, Giáo hội là bạn bè với tất cả mọi người, chia sẻ thân phận làm người với họ; Giáo hội chỉ có một tham vọng duy nhất là phục vụ con người. Không lên án bất kì một quốc gia nào, các giám mục tham gia Công đồng Vatican II xác lập rõ lập trường của mình là bảo vệ quyền và tự do của con người trên toàn thế giới.

Kì họp thứ ba của Công đồng Vatican II diễn ra từ ngày 14 tháng 9 đến 21 tháng 11 năm 1964. Tại kì họp này Hiến chế tín lí về Giáo hội với tên gọi *Lumen Gentium* (ánh sáng muôn dân) đã được thông qua. Hiến chế này khẳng định rằng, Giáo hội là mẫu nhiệm cứu độ của Chúa mang đến cho loài người; Thành phần của Giáo hội là dân Thiên Chúa. Hiến chế nhấn mạnh rằng, “người học trò chân chính của Đức Kitô có đặc tính nổi trội là tình yêu đối với Thiên Chúa cũng như đối với người thân”. Cũng trong kì họp này Sắc chỉ về Giáo hội Phương Đông đã được thông qua với tên gọi *Orientalium Ecclesiarum* (Các Giáo hội Phương Đông). Sắc chỉ nhấn mạnh tới việc tăng cường các cuộc tiếp xúc với các Giáo hội Phương Đông mà trong văn bản gọi là “những người anh em thuộc các Giáo hội bị phân li”; Một văn kiện khác cũng cần nhắc tới ở đây, đó là Sắc chỉ về sự hiệp nhất với tên gọi *Unitatis*

10. Trích theo: Anatoli Krasikov. Bdd., [Http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100](http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100)

Sobor.html

11. Trích theo: Anatoli Krasikov. Bdd., [Http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100](http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100)

Sobor.html

Redintegratio (Tái lập sự hiệp nhất). Sắc chỉ nhấn mạnh tới việc nối lại quan hệ của Giáo hội Công giáo với các giáo hội Kitô giáo khác bị chia rẽ trước đây, “để sự nghiệp của những người con của Giáo hội Công giáo được phát triển trong liên minh với sự nghiệp của những người anh em bị phân li với chúng ta”⁽¹³⁾.

Năm văn kiện được thông qua tại 3 kì họp đầu của Công đồng Vatican II mà chúng tôi nêu ở trên, mới chỉ chiếm 1/3 tổng số các quyết định của Công đồng. Số tài liệu này đã được dịch ra tiếng Nga và tập hợp thành một tập sách do nhà xuất bản Paolina của Công giáo phát hành năm 1998. 11 văn kiện còn lại là kết quả của kì họp thứ tư diễn ra trong khoảng thời gian từ 15 tháng 9 đến 7 tháng 12 năm 1965. Mỗi tài liệu trong số này đều là những phân tích riêng biệt và được xem xét trong bối cảnh của thời đại. Ở đây chúng tôi không nêu lại cụ thể 11 văn kiện đó⁽¹⁴⁾, chỉ xin nhắc tới một số kết luận mà Công đồng Vatican II đã nêu ra, qua đó có thể giúp chúng ta hình dung được về Công giáo trong thời đại hiện nay. Các kết luận đó là:

Thứ nhất, với trách nhiệm phát triển sự thống nhất và tình yêu giữa con người với con người và giữa các dân tộc, Giáo hội Công giáo trước hết đang chú ý tới những đối tượng mà Giáo hội đang tập hợp;

Thứ hai, Giáo hội Công giáo không gạt bỏ bất kì cái gì có tính chất chân chính và thiêng liêng trong các tôn giáo khác;

Thứ ba, Giáo hội Công giáo tỏ thái độ trân trọng những tín đồ Islam giáo và

kêu gọi mọi người hãy gạt bỏ quá khứ và chân thành hướng tới sự hiểu biết lẫn nhau;

Thứ tư, Công đồng Vatican II nhớ tới những mối liên kết tinh thần gắn giáo đoàn Tân ước với hậu thế của Tổ phụ Abraham. Giáo hội lấy làm tiếc về tất cả những biểu hiện của chủ nghĩa bài Do Thái;

Thứ năm, tự do tôn giáo cần có ở khắp mọi nơi và phải được luật pháp bảo vệ.

Thứ sáu, nhân cách con người cần trở thành nguyên tắc, đối tượng và mục đích của mọi quy định xã hội;

Thứ bảy, Giáo hội Công giáo không gắn mình với bất kì hệ thống chính trị nào.

Thứ tám, cần phải hoan nghênh lòng dũng cảm của tất cả những người từ chối việc thực hiện những mệnh lệnh tội lỗi.

Bình luận về những kết quả của Công đồng Vatican II “Tập chí Giáo phận Moskva” (Journal of the Moscow Patriarchate) số 4 tháng 3 năm 1966 viết: “Đây là một bước tiến đáng kể. Nó được thể hiện ở chỗ Giáo hội Công giáo... đã vượt ra khỏi trạng thái trì trệ và bước lên phía trước trên con đường mới... Trong những năm dưới thời Giáo hoàng Gioan XXIII và Pôn VI những người duy trì truyền thống của Vatican đã trải qua không ít lo âu... Họ phải đối mặt với những quan điểm tiên tiến của chính

12,13. Trích theo: Anatoli Krasikov. Bdd., [Http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100_Sobor.html](http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100_Sobor.html)

14. Xem thêm: Mai Thanh Hải. 40 năm Công đồng Vatican II: Mười việc còn dang dở. Tập chí đã dẫn, tr. 66-67.

những người đồng nghiệp nổi tiếng của họ... Trở lại 16 văn kiện là di sản chính thức của Công đồng, có thể nói rằng, nội dung của chúng xem ra có vẻ hơi lỏng lẻo và bị cắt xén nhiều do những sửa đổi được đưa vào trong quá trình tranh luận giữa các khuynh hướng đối lập của Công đồng. Điều này hình như không thể tránh khỏi trong những điều kiện của cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng⁽¹⁵⁾. Theo tác giả bài bình luận nói trên, “điều quan trọng là Giáo hoàng Pôn VI đã không đi trệch con đường mà Giáo hoàng Gioan XXIII đã vạch ra, tiếp tục lái con tàu Giáo hội đi theo con đường đó tuy với nhịp độ chậm hơn. Cùng với Công đồng (...) Giáo hoàng Pôn VI đã thừa nhận việc tiếp tục xích lại gần những Kitô hữu thuộc các giáo hội Kitô giáo khác là đúng đắn, bày tỏ thiện cảm và sự tôn trọng đối với các tín đồ của các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo, có những bước đi đầu tiên về phía những tôn giáo có thái độ thờ ơ hay thù địch, và như vậy, cuối cùng đã mở ra bước khởi đầu cho cuộc đối thoại với mọi người⁽¹⁶⁾”.

Tuy nhiên cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng chủ yếu của tư tưởng Công giáo hiện đại vẫn tiếp tục diễn ra và điều này được thể hiện ngay trên các diễn đàn của Công đồng Vatican II. Khuynh hướng chiếm số đông trong Công đồng (từ 3/4 đến 4/5 số đại biểu tham dự) được gọi là khuynh hướng “tiến bộ” và “cải cách”, còn khuynh hướng chiếm số ít trong Công đồng nhưng rất ngoan cố được gọi là “bảo thủ”, thậm chí là “phản động”. Ngày nay nhìn lại chúng ta thấy, trong một số trường hợp lập luận của “những người bảo thủ” tỏ ra

thiếu cơ sở và còn gây nhiều tranh cãi. Chúng ta biết tới điều này qua cuốn sách của cố Hồng y Agostino Casaroli, người từng giữ chức Quốc vụ khanh của Tòa Thánh Vatican, người đã đưa ra và trực tiếp thi hành “Chính sách Phương Đông” qua 4 đời giáo hoàng. Cuốn sách được xuất bản năm 2000 sau khi tác giả của nó đã qua đời. Theo tác giả cuốn sách, người kế tục Giáo hoàng Gioan XXIII không quyết định ngay việc đối thoại với những người đã gạt bỏ những giá trị của nhân loại. “Giáo hoàng mới tiếp tục Công đồng Hoàn vũ mà không có bất kì sự dao động nào. Nhưng còn việc đối thoại với các nước thuộc khối cộng sản, ngay từ đầu và tiếp sau đó, Ngài cảm thấy cần phải tỏ ra thận trọng và phân tích nó một cách phù hợp với mục đích đặt ra, trong đó sự thận trọng này có lúc dẫn tới sự phủ định nó⁽¹⁷⁾”. Lí lẽ của “những người bảo thủ”, những người chống lại đối thoại, được nêu ra đại loại như sau: “Các cuộc đàm phán chẳng có lợi gì. Ở Chủ nghĩa Cộng sản, họ có ý đồ chiến lược riêng của mình đối với Giáo hội và tôn giáo, rõ ràng và không được xem xét lại... Và sự đồng ý của Tòa Thánh tiếp nhận các chế độ Cộng sản như những người đối thoại xứng đáng đồng nghĩa với việc thừa nhận không chỉ sức mạnh và sự ổn định của họ mà cả sự lương thiện của họ nữa⁽¹⁸⁾”. Trong một tài liệu hướng dẫn chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ giữa Chủ tịch Xô Viết Tối Cao Liên Xô

15. Trích theo: Anatoli Krasikov.. Bdd, http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100_sobor.html

16. Trích theo: Anatoli Krasikov.. Bdd, http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100_sobor.html

17,18. Trích theo: Anatoli Krasikov.. Bdd, http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100_sobor.html

Nikolai Podgornui với Giáo hoàng Pôn VI vào tháng 01 năm 1967 do Bộ Ngoại giao Liên Xô soạn thảo và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô thông qua có hai điểm đáng chú ý sau đây: 1. “Trong cuộc đàm đạo với Giáo hoàng cần nhấn mạnh chủ yếu đến tầm quan trọng của sự thống nhất tất cả các lực lượng trong cuộc đấu tranh làm dịu tình hình căng thẳng.”; 2. “Tránh mọi mưu toan có thể có của Giáo hoàng đưa ra vấn đề về các tín đồ Công giáo ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa và về quan hệ giữa Vatican với các nước Châu Âu xã hội chủ nghĩa.”⁽¹⁹⁾

Tuy vậy, trong khi rất thận trọng cân nhắc câu trả lời “đồng ý” hay “phản đối”, trong quá trình diễn ra Công đồng Vatican II, Giáo hoàng Pôn VI đã đưa ra kết luận về sự cần thiết không chỉ không từ bỏ cuộc đối thoại với “những người Phương Đông”, mà thậm chí còn đẩy mạnh hơn cuộc thảo luận với những người đối lập tư tưởng hệ với Công giáo về những vấn đề gay gắt của thời đại, bao gồm cả việc tìm kiếm giải pháp hòa bình cho các cuộc xung đột tại “các điểm nóng” trên thế giới và vấn đề quyền con người trên cơ sở thảo luận song phương cũng như đa phương. Từ sáng kiến của Tòa Thánh Vatican ngày 01/01/1968 trở thành Ngày Hòa bình Thế giới. Cũng nhân dịp này người đứng đầu Tòa Thánh Vatican đã đề cập tới tình hình ở Việt Nam và tỏ rõ lập trường của mình đối với cuộc chiến tranh Việt Nam. Theo tác giả Nguyễn Quang Hưng, sau khi kế nhiệm Giáo hoàng Gioan XXIII, Giáo hoàng Pôn VI tiếp tục duy trì đường lối đối ngoại trước đó của Tòa Thánh

Vatican. Trong giai đoạn trước “Tòa Thánh không khuyến khích các chức sắc trong Giáo hội Việt Nam di cư” và tiếp đó “sự ủng hộ có mức độ của Tòa Thánh thể hiện ở chỗ không phải nguyện vọng nào của chính quyền Ngô Đình Diệm cũng được Vatican đáp ứng. Giữa Sài Gòn và Vatican không thỏa thuận được quy chế ngoại giao. Thay vào thiết lập quan hệ ngoại giao như chính quyền Ngô Đình Diệm mong muốn, Tòa Thánh chỉ thiết lập Tòa lãnh sự quán tại Sài Gòn” và bổ nhiệm Giám mục Nguyễn Văn Bình làm Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Sài Gòn mà không bổ nhiệm Giám mục Ngô Đình Thục như chính quyền Sài Gòn mong muốn. “Việc bổ nhiệm Giám mục Nguyễn Văn Bình là người gốc Miền Nam có thái độ thích hợp hơn đã thể hiện sự tích cực, tinh táo của Tòa Thánh”. Đến thời Giáo hoàng Pôn VI, Tòa Thánh Vatican tỏ thái độ không đồng tình với việc chính quyền Ngô Đình Diệm dùng bạo lực đàn áp các phong trào của Phật giáo. Giáo hoàng Pôn VI đích thân “kêu gọi chính quyền Ngô Đình Diệm nên có thái độ khoan dung, mềm dẻo với các Phật tử”. Trong thông điệp ngày 30 tháng 8 năm 1963 gửi nhân dân Việt Nam Ngài “bày tỏ sự quan ngại sâu sắc đối với những sự kiện đẫm máu do sự đàn áp Phật tử và đề nghị cả hai bên, chính quyền Ngô Đình Diệm và Giáo hội Phật giáo, tìm kiếm một giải pháp hòa bình cho cuộc khủng hoảng”. Tiếp đó, theo đề nghị của phía Hoa Kỳ, Giáo hoàng Pôn VI đã đứng ra làm trung gian giữa Mỹ và Việt Nam dân chủ cộng hòa

19. Trích theo: Anatoli Krasikov.. Bdd, http://religion.ng.ru/politic/2010-12-15/100_sobor.html

trong việc giải quyết một số vấn đề liên quan đến cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Tòa Thánh Vatican ủng hộ lập trường “hòa bình bằng mọi giá” cho Việt Nam và “tin tưởng rằng những cuộc hòa đàm chân thực sẽ thay thế những tuyên truyền hiếu chiến”⁽²⁰⁾. Giáo hoàng Pôn VI cũng đã tận dụng mọi cơ hội để kêu gọi hòa bình cho Việt Nam.

Trên bình diện quốc tế, Tòa Thánh Vatican đã có nhiều hoạt động tích cực cùng với các đối tác khác nhằm làm giảm tình hình căng thẳng trên thế giới do hậu quả của cuộc chiến tranh lạnh. Trong số đó phải kể đến chuyến đi chớp nhoáng của Giáo hoàng Pôn VI tới New York và bài phát biểu của Ngài tại kì họp của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc trong lúc kì họp thứ tư của Công đồng Vatican II đang vào lúc sôi động nhất. Và sự kiện quan trọng nhất, đó là việc Tòa Thánh Vatican tham gia các cuộc đàm phán chuẩn bị cho Hội nghị An ninh và Hợp tác ở Châu Âu và việc Hồng y Agostino Casaroli thay mặt Giáo hoàng kí vào *Văn kiện cuối cùng* tại Helsinki, thủ đô của Phần Lan, vào tháng 8 năm 1975. Kết quả của “Chính sách Phương Đông” (ostpolitik) của Vatican rất rõ ràng: để đổi lấy việc Vatican thừa nhận sự ổn định của đường biên giới ở Châu Âu sau Chiến tranh Thế giới II, Liên Xô đã cam kết tôn trọng quyền con người, trong đó có quyền tự do tôn giáo của mọi công dân. Tuy nhiên, khi đó, dưới áp lực của các nước Phương Tây, quan hệ Liên Xô - Vatican chưa được cải thiện nhiều. Mãi đến tháng 12 năm 1989 Liên Xô - Vatican mới đạt được thỏa thuận về việc thiết lập quan hệ ngoại

giao chính thức. Đây là kết quả của gặp gỡ giữa người đứng đầu Nhà nước Xô Viết, Mikhail Gorbachev, với người đứng đầu Tòa Thánh Vatican, Giáo hoàng Gioan Phaolô II. Sau khi Liên Xô tan rã, bắt đầu từ năm 1991 liên tiếp diễn ra các cuộc gặp gỡ giữa những người đứng đầu Nhà nước Liên bang Nga và các giáo hoàng của Giáo hội Công giáo Rôma và đến cuối năm 2009 quan hệ ngoại giao giữa Liên bang Nga với Vatican mới được thiết lập một cách đầy đủ. Nhưng nếu nói đến quan hệ giữa Liên bang Nga với Vatican, sẽ chưa đầy đủ nếu không nói đến quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Roma với Giáo hội Chính Thống giáo Nga. Mối quan hệ giữa hai giáo hội này trong lịch sử và hiện tại vẫn còn những bước chao đảo, tuy nhiên, nó đang ấm dần lên dưới thời Giáo hoàng Benedicto XVI⁽²¹⁾.

Quay trở lại điểm qua vài nét về mối quan hệ giữa Việt Nam và Vatican cả về mặt Nhà nước và Giáo hội giai đoạn từ sau Công đồng Vatican II và nhất là những năm gần đây dưới triều Giáo hoàng Benedicto XVI.

Về mối quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam với Tòa Thánh Vatican, trước hết phải kể đến một dấu mốc quan trọng, đó là ngày 24 tháng 11 năm 1960, Giáo hoàng Gioan XXIII đã kí sắc chỉ thành lập hàng giáo phẩm Việt Nam, nâng 16 địa phận (nay là giáo phận) ở 3

20. Xem: Nguyễn Quang Hưng. *Vài nét về lập trường của Tòa Thánh Vatican đối với cuộc chiến tranh Việt Nam*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, 2006, tr. 30 - 38.

21. Xem thêm: Khánh Vy. *Quan hệ giữa Tòa Thánh Vatican với Nhà nước Liên Bang Nga - Lịch sử và hiện tại*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1- 2009, tr. 49 - 50.

giáo tỉnh của Việt Nam từ hiệu toà lên chính toà. Năm 2010, Giáo hội Công giáo Việt Nam với 26 giáo phận trong tổng số 2400 giáo phận của Giáo hội Hoàn vũ đã long trọng kỉ niệm 50 năm ngày thành lập hàng giáo phẩm Việt Nam. Khi Công đồng Vatican II diễn ra, một số giám mục Việt Nam đã được mời tham dự, trong đó có 16 lần tham gia phát biểu tại các kì họp của Công đồng (toàn bộ là của các giám mục thuộc Giáo hội Công giáo Miền Nam Việt Nam, không có đại biểu của Giáo hội Công giáo Miền Bắc Việt Nam ở thời điểm đó)⁽²²⁾. Từ chỗ Công giáo Việt Nam chủ yếu do các giáo sĩ nước ngoài cai quản đến nay số giám mục là người Việt đã lên tới con số gần 100, trong đó có 5 người được phong tước hồng y. Nhiều hồng y, giám mục người Việt đã được Tòa Thánh Vatican bổ nhiệm vào các vị trí quan trọng trong giáo triều Roma. Tòa Thánh Vatican cũng thường xuyên cử các đặc sứ (Legat) là người nước ngoài cũng như người Việt Nam tham gia các hoạt động tôn giáo và giám sát tình hình của Giáo hội Công giáo ở Việt Nam. Mới đây nhất là việc Hồng y Ivan Dias làm đặc sứ chủ sự nghi lễ bế mạc Năm Thánh 2010 tại Thánh địa La Vang, Quảng Trị ngày 6 tháng 01 năm 2011⁽²³⁾. Nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Roma với Giáo hội Công giáo Việt Nam, ngày 13/01/2011, Tòa Thánh Vatican, được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam đã chính thức bổ nhiệm Tổng Giám mục Leopond Gireli làm đại diện không thường trực của Tòa Thánh Vatican tại Việt Nam. Về phía Giáo hội Công giáo Việt Nam, ngoài việc đều đặn cứ 5 năm một lần các giám

mục Việt Nam đi Ad Limina, tới Roma để viếng mộ hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô và báo cáo tình hình Giáo hội Công giáo Việt Nam với Tòa Thánh Vatican, nhiều giám mục Việt Nam tích cực tham gia các hoạt động quốc tế của Giáo hội Công giáo hoàn vũ, thí dụ như tham gia Thượng Hội đồng Giám mục thế giới, Liên Hội đồng Giám mục Châu Á, Ngày Giới Trẻ quốc tế, thăm giáo hội các nước, tiếp các giám mục nước ngoài tới thăm Việt Nam và sắp tới đăng cai tổ chức cuộc họp của Hội đồng Giám mục Châu Á (FABC) tại Việt Nam vào tháng 11 năm 2012. Tuy nhiên, quan hệ giữa Giáo hội Công giáo Việt Nam và Tòa Thánh Vatican không phải lúc nào cũng góp phần củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với Giáo hội Công giáo. Ngoài việc Khâm sứ John Dooley triệu tập các giám mục Đông Dương họp tại Hà Nội để ra Thư Chung 1951 lên án gay gắt chủ nghĩa Cộng sản, gây sóng gió cho mối quan hệ giữa đạo và đời, thì vụ phong 117 Thánh tử đạo Việt Nam năm 1988, hay việc bổ nhiệm nhân sự cho giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh sau ngày giải phóng 30 tháng 4 năm 1975 cũng đã làm cho mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội thêm phức tạp.

Trong quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với Giáo hội Công giáo Roma cho đến nay vẫn đang trên đường đàm phán để đi đến thiết lập mối quan hệ song

22. Xem Mai Thanh Hải. 40 Công đồng Vatican II: Mười việc còn dang dở. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4- 2005, tr. 65.

23. Xem Phạm Huy Thông. Thêm những bước tiến trong tiến trình quan hệ Việt Nam - Vatican. <http://btgct.Gov.vn/popup.aspx/2/28/2011>

phương chính thức. Tuy vậy, như đã trình bày ở phần trên, kể từ sau Công đồng Vatican II thái độ của Tòa Thánh Vatican đối với Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể. Từ khi lên ngôi, Giáo hoàng Pôn VI luôn quan tâm đến cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Khi đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh leo thang ra Miền Bắc, ngày 2 tháng 5 năm 1967, Ngài đã ra lời kêu gọi “ngừng ném bom Miền Bắc Việt Nam” và trước đó ngày 8 tháng 2 năm 1967 Ngài gửi thư tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng thống Chính quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu và Tổng thống Hoa Kỳ Lyndon Johnson, kêu gọi các bên ngừng bắn trong dịp tết Nguyên Đán năm 1967. Tại cuộc gặp Tổng thống Hoa Kỳ ngày 23 tháng 12 năm 1967 ở Vatican Giáo hoàng Pôn VI đã bày tỏ sự không đồng tình của Tòa thánh với việc leo thang chiến tranh của Mỹ và đặc biệt phê phán Mỹ đã ném bom Miền Bắc Việt Nam. Đến khi Washington tăng cường ném bom Hà Nội, Hải Phòng tháng 12 năm 1972 bằng máy bay B52 hòng gây sức ép với Chính phủ Việt Nam trên bàn đàm phán tại Hội nghị Paris, người đứng đầu Tòa thánh Vatican đã phê phán mạnh mẽ hành động này. Do vậy, việc kí kết Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại Hòa bình ở Việt Nam tháng 01 năm 1973 được Giáo hoàng Pôn VI coi là cơ hội quan trọng mang lại hòa bình thực sự cho nhân dân Việt Nam. Ngày 14 tháng 2 năm 1973 đã diễn ra cuộc tiếp xúc đầu tiên của Giáo hoàng Pôn VI với các nhà lãnh đạo Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, Bộ trưởng Xuân Thủy và Bộ trưởng

Nguyễn Văn Hiếu. Về cuộc gặp này, Informations Catholiques Internationales ngày 01 tháng 3 năm 1973, viết “Sự hài lòng của Giáo hoàng Pôn VI về cuộc gặp chỉ ra rằng, Thư Chung 1951 nghiêm khắc cấm người Công giáo Việt Nam không được hợp tác với những người Cộng sản đã trở thành lỗi thời. Đối với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cuộc gặp này được coi là sự đảm bảo của họ về tự do tôn giáo”⁽²⁴⁾. Tuy nhiên cũng cần phải nói thêm rằng đúng như một nhà báo Mỹ đã nhận xét: “Trong vấn đề Việt Nam, Đức Giáo hoàng giữ trung lập mà thiên vị”⁽²⁵⁾. Bằng chứng là vào năm 1971 khi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình tới Roma nhưng Giáo hoàng Pôn VI đã từ chối tiếp Bà, trong khi đó Ngài lại long trọng đón tiếp Nguyễn Văn Thiệu, lúc đó là Tổng thống chính quyền Sài Gòn.

Chỉ sau khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới và bước đầu thu được những thành công nhất định, quan hệ Việt Nam - Vatican mới từng bước khởi sắc. Mở đầu là chuyến thăm Việt Nam của Hồng y Roger Etchagaray, đại diện của Giáo hoàng Gioan Phaolô II ngày 01 tháng 7 năm 1989 và kéo dài tới 2 tuần lễ. Từ năm 1990 đã có các cuộc làm việc thường xuyên hàng năm giữa 2 phái đoàn của Tòa Thánh Vatican và Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

24. Trích theo: Nguyễn Quang Hưng. Vài nét về lập trường của Tòa Thánh Vatican đối với cuộc chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975) Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số - 2006, tr. 37 - 38.

25. Trích theo: Phạm Huy Thông. Thêm những bước trong tiến trình quan hệ Việt Nam - Vatican. <http://btgcp.gov.vn/popup.aspx/2-28-1011>.

Theo thống kê của nhà nghiên cứu Công giáo Phạm Huy Thông, từ đó đến nay đã có 16 lượt đoàn Vatican tới Việt Nam và 3 lượt đoàn Việt Nam tới Vatican. Các vấn đề được đưa ra bàn thảo và giải quyết trong các cuộc làm việc giữa hai đoàn, đó là vấn đề bổ nhiệm nhân sự cho các tòa giám mục, thành lập giáo phận mới, việc du học của các tu sĩ, linh mục Việt Nam ở nước ngoài, v.v... Đỉnh cao của mối quan hệ Việt Nam – Vatican được ghi dấu bởi cuộc gặp gỡ của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng với Giáo hoàng Benedicto XVI ngày 25 tháng 01 năm 2007 tại Roma và cuộc hội kiến với Giáo hoàng Benedicto XVI với Chủ tịch Nguyễn Minh Triết ngày 11 tháng 12 năm 2009 tại Vatican⁽²⁶⁾.

Quan hệ song phương Việt Nam - Vatican đang phát triển theo chiều hướng tích cực, tuy phía trước còn tồn tại nhiều vấn đề cần được giải quyết cả từ hai phía, trong đó vấn đề lớn nhất là việc thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ giữa Việt Nam và Vatican, nhưng chúng ta có quyền hi vọng rằng, vì lợi ích không chỉ của 6 triệu đồng bào Công giáo Việt Nam mà còn vì lợi ích của cả dân tộc Việt Nam cũng như của Vatican và các lực lượng yêu chuộng hòa bình thế giới, những tồn đọng trong quan hệ giữa hai bên sẽ được giải quyết theo một lộ trình phù hợp trong tương lai không xa.

Hiện nay, dù ở nơi này hay nơi khác còn những vấn đề chưa được giải quyết, hoặc giải quyết chưa thực thỏa đáng, nhưng với những tiến trình khả quan trong quan hệ giữa Tòa Thánh Vatican với các giáo hội Kitô giáo khác, với tín đồ các tôn giáo ngoài Kitô giáo, với các nước và các lực lượng chính trị - xã hội trên thế giới, trong đó có Việt Nam, trong suốt 45 năm qua, chúng ta một lần nữa ghi nhận sự đóng góp tích cực của Giáo hội Công giáo Roma được mở đầu từ Công đồng Vatican II gắn liền với tên tuổi của các vị giáo hoàng như Gioan XXIII, Pôn VI và những người kế tục sự nghiệp của các ngài như Giáo hoàng Gioan Phaolô II, Benedicto XVI. Việc Tòa Thánh Vatican đang chuẩn bị lễ phong chân phước cho cố Giáo hoàng Gioan Phaolô II là một biểu hiện cụ thể tôn vinh những đóng góp của Ngài cho sự phát triển của Giáo hội Công giáo Roma và khẳng định sự đúng đắn của chính sách đối thoại liên tôn và liên quốc gia của Giáo hội Công giáo trong thời đại hiện nay./.

26. Chi tiết xin xem thêm: Phạm Huy Thông. Bđd, <http://btgcp.gov.vn/popup.aspx/2-28-1011>.